

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 26



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước - tiền thân là Xí nghiệp Văn phòng phẩm Tam Kỳ, được thành lập theo Quyết định số 696/QĐ - UB ngày 10/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam, chuyển đổi thành Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định số 4227/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định phê duyệt đề án chuyển đổi số 1806/QĐ - UBND ngày 03/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV lần đầu số 4000360377 ngày 09/09/2010, thay đổi lần 1 ngày 17/09/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 14/02/2011, thay đổi lần 3 ngày 10/2/2012, thay đổi lần 4 ngày 30/7/2013 và thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Vốn điều lệ Công ty: 188.334.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ, ba trăm ba tư triệu đồng chẵn*)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Bán buôn tổng hợp; Bán buôn sách, báo, văn phòng phẩm, giấy, tạp chí, đồ điện gia dụng; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh (hạt nhựa); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Lai dắt hỗ trợ tàu ra vào cảng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác, chế biến đá, cát sỏi, đất sét. Ngoài ra, Công ty còn các hoạt động kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Ngoài trụ sở chính, Công ty còn có 03 Xí nghiệp trực thuộc là: Xí nghiệp Cảng Kỳ Hà; Xí nghiệp Quản lý & khai thác khu công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp và Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Chu Lai. Các Xí nghiệp này chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ đối với Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo sự cam kết của các Xí nghiệp. Các Xí nghiệp chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh tại nơi phát sinh, thuế thu nhập doanh nghiệp được kê khai và nộp tại Văn phòng Công ty sau khi hợp cộng kết quả kinh doanh toàn Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn có các Ban quản lý trực thuộc Công ty, hoạt động cho các dự án nhà nước giao và hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty không bao gồm số liệu của các Ban quản lý này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp từ trang 7 đến trang 26 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Các thành viên trong Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên và kiểm soát viên

Cao Ngọc Tích	Chủ tịch HĐQTV	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Võ Văn Hạng	Ủy viên HĐQTV	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Nguyễn Đình Tuyên	Ủy viên HĐQTV	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Lê Văn Quang	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 05/08/2013

Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Võ Văn Hạng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2011
Nguyễn Đình Tuyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2010
Huỳnh Bửu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2011
Nguyễn Thanh Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05/08/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, thành viên hãng Eura Audit International. HVAC bày tỏ nguyện vọng sẽ tiếp tục được là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên trong Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty, đồng thời phù hợp

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HẠ - CHU LAI QUẢNG NAM
159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Ông Võ Văn Hạng
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2014





THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL

EURAAUDIT
International

Số. 041/2014/BCTC - HVAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam*

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 03 năm 2014 từ trang 07 đến trang 26 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến việc kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2013. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Công ty cũng khẳng định không thể kiểm kê đánh giá hàng tồn kho được. Chúng tôi cũng không thể lượng hóa được dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Vì vậy, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về tính đánh giá và tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31/12/2013 với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán là 221.988.377.624 đồng và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty;

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả với tỷ lệ chưa đối chiếu xác nhận cụ thể: Phải thu khách hàng là 36%, phải thu khác 100%, phải trả người bán 23%, ứng trước cho người bán 100%, các khoản phải trả khác 86%. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, bổ sung khác, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản phải thu, phải trả chưa được xác nhận;

Các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn cũng chưa được xem xét khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi tương ứng cũng như ảnh hưởng của chúng đến các thông tin khác trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo với giá trị phải thu khách hàng là 207.249.491.554 đồng, phải thu khác là 586.633.319 đồng;

Công ty chưa thực hiện quyết toán quỹ tiền lương theo quy định tại Thông tư 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/9/2010, Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục tiền lương của Công ty cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty;

Khoản tiền nhận trước tiền thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Dự án Bất động sản tại phía Nam Hội An – tỉnh Quảng Nam cho Genting Vinacapital Investments Pte.Ltd, số tiền 5.000.000\$ tương đương 104.090.000.000 đồng đang được trình bày trên chỉ tiêu dài hạn (Mã số 333: Phải trả dài hạn khác) trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Tuy nhiên, khoản tiền nhận ứng trước này không đủ điều kiện để ghi nhận là khoản nhận ứng trước dài hạn mà phải được trình bày trên chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn;

Trong năm, Công ty áp dụng phương pháp tính giá hàng tồn kho là giá bình quân sau mỗi lần nhập. Tuy nhiên, kiểm toán viên không thu thập được thông tin cần thiết để xác định lại giá xuất của các hàng hoá tồn kho. Chúng tôi cũng không nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trong năm. Theo đó, kiểm toán viên không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty;

Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với hàng tồn kho và các khoản phải thu đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp *đính kèm*



Nguyễn Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHNT số 1078-2013-098-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương
Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Duy Trung
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNT số 1967-2013-098-1

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		460.401.138.704	468.258.394.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.582.315.938	69.075.969.109
1. Tiền	111		4.082.315.938	18.575.969.109
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	50.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.802.756.077	202.983.484.745
1. Phải thu của khách hàng	131	5.2	207.249.491.554	171.200.692.968
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	3.573.112.551	4.065.849.826
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.4	3.671.514.583	3.032.971.789
5. Các khoản phải thu khác	135	5.5	5.308.637.389	24.683.970.162
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	221.988.377.624	185.456.081.888
1. Hàng tồn kho	141		221.988.377.624	185.456.081.888
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.027.689.065	10.742.858.567
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		382.276.732	461.518.924
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		84.768.081	785.656.559
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		60.748.964	88.058.093
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	13.499.895.288	9.407.624.991
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.866.064.312	136.254.131.893
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		129.394.702.682	131.967.805.551
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	112.714.467.653	112.920.320.601
- Nguyên giá	222		141.702.099.169	136.991.121.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.987.631.516)	(24.070.801.192)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		817.890.216	1.398.191.934
- Nguyên giá	225		1.224.781.730	2.013.466.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(406.891.514)	(615.274.082)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	15.750.001
- Nguyên giá	228		-	31.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(15.249.999)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	15.862.344.813	17.633.543.015
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.466.250.000	1.066.250.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.466.250.000	1.066.250.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.005.111.630	3.220.076.342
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	9.942.111.630	3.127.076.342
3. Tài sản dài hạn khác	268		63.000.000	93.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		601.267.203.016	604.512.526.202

010193
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
KIỂM
HƯNG
TỰ LIÊM

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2013

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
A. Nợ phải trả	300		439.821.489.091	444.378.190.851
I. Nợ ngắn hạn	310		335.376.919.167	332.335.871.746
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	236.451.698.094	247.707.879.280
2. Phải trả người bán	312	5.12	55.744.404.695	56.433.210.810
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	1.528.576.105	1.496.331.448
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	14.870.481.745	9.669.091.686
5. Phải trả người lao động	315		2.099.377.690	1.591.315.379
6. Chi phí phải trả	316		4.939.109.384	3.410.271.699
7. Phải trả nội bộ	317		4.767.045.898	1.406.577.719
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.15	14.732.515.253	10.975.571.190
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		243.710.303	(354.377.465)
II. Nợ dài hạn	330		104.444.569.924	112.042.319.105
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	104.090.000.000	104.090.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		354.569.924	354.569.924
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	7.597.749.181
B. Vốn chủ sở hữu	400		161.445.713.925	160.134.335.351
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	161.445.713.925	160.134.335.351
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.762.397.640	131.451.343.940
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.344.479.341	11.644.006.562
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.006.656.276	1.680.886.747
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.285.535.487	2.037.489.412
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.046.645.181	13.320.608.690
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		601.267.203.016	604.512.526.202

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
5. Ngoại tệ các loại - USD		11.328,18	13.993,67

**Ông Võ Văn Hạng**
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

048 - C.
G TY
M HỮU HẠ
TOÁN
VƯỢNG
TP. HẠ

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,

Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	580.399.803.079	633.181.706.072
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	989.257.680	3.770.341.437
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	579.410.545.399	629.411.364.635
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	525.454.987.533	586.150.754.266
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.955.557.866	43.260.610.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	534.785.334	10.502.635.966
7. Chi phí tài chính	22	6.4	29.206.065.817	22.621.116.135
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.981.924.861	18.149.890.084
8. Chi phí bán hàng	24		-	26.181.818
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.437.673.471	16.604.235.486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.846.603.912	14.511.712.896
11. Thu nhập khác	31	6.5	2.303.093.856	3.328.198.356
12. Chi phí khác	32	6.6	1.967.831.944	199.486.624
13. Lợi nhuận khác	40		335.261.912	3.128.711.732
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.181.865.824	17.640.424.628
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	7.600.474.461	4.319.815.938
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.581.391.363	13.320.608.690



Ông Võ Văn Hạng

Giám đốc

Quảng Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Ông Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.181.865.824	17.640.424.628
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.430.366.486	611.005.028
- Các khoản dự phòng	03	-	(337.750.807)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(470.975.885)
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(912.058.062)	(9.929.431.854)
- Chi phí lãi vay	06	25.414.171.543	18.149.890.084
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	40.114.345.791	25.663.161.194
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(20.185.344.018)	(68.681.127.573)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10	(36.532.295.736)	(78.602.236.634)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	3.637.302.059	(8.488.470.226)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(200.340.388)	(2.065.312.099)
- Lãi tiền vay đã trả	13	(25.414.171.543)	(17.656.793.828)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.134.384.868)	(878.279.187)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	30.862.985	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.825.277.663)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	(46.509.303.381)	(150.709.058.353)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(9.188.897.645)	(1.970.390.303)
2. Tiền thu từ T.lý, nhượng bán TSCĐ & TS DH khác	22	377.272.728	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(400.000.000)	(546.190.241.024)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		593.003.248.402
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	534.785.334	9.812.213.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.676.839.583)	54.654.830.414
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ TC			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	1.948.670.979	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	550.074.934.421	572.556.081.880
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(561.000.888.179)	(509.658.332.648)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(330.227.428)	(446.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.307.510.207)	62.451.349.232
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(64.493.653.171)	(33.602.878.707)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	69.075.969.109	102.673.125.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	5.722.067
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.582.315.938	69.075.969.109

**Ông Võ Văn Hạng**
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước - tiền thân là Xí nghiệp Văn phòng phẩm Tam Kỳ, được thành lập theo Quyết định số 696/QĐ - UB ngày 10/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam, chuyển đổi thành Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định số 4227/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định phê duyệt đề án chuyển đổi số 1806/QĐ - UBND ngày 03/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV lần đầu số 4000360377 ngày 09/09/2010, thay đổi lần 1 ngày 17/09/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 14/02/2011, thay đổi lần 3 ngày 10/2/2012, thay đổi lần 4 ngày 30/7/2013 và thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Vốn điều lệ Công ty: 188.334.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ, ba trăm ba tư triệu đồng chẵn)

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn tổng hợp; Bán buôn sách, báo, văn phòng phẩm, giấy, tạp chí, đồ điện gia dụng; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh (hạt nhựa); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Lai dắt hỗ trợ tàu ra vào cảng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê; Khai thác, chế biến đá, cát sỏi, đất sét. Ngoài ra, Công ty còn các hoạt động kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam được lập trên cơ sở hợp cộng các Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc bao gồm: Xí nghiệp Cảng Kỳ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Hà, Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản Chu Lai và Xí nghiệp Quản lý & khai thác khu công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp.

Ngoài ra, Công ty còn có các Ban quản lý trực thuộc Công ty, hoạt động cho các dự án Nhà nước giao và hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty không bao gồm số liệu của các Ban quản lý này.

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3.3 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 Các khoản phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu của khách hàng được trình bày theo giá trị của hóa đơn gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, các khoản nợ quá hạn của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính vẫn có khả năng thu hồi nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ quá hạn này.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường. Giá gốc của hoạt động xây lắp bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung phát sinh trong hoạt động xây lắp. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Đối với công trình xây lắp thì phân bổ theo giá trị thực tế dở dang do đội thi công xác định tại công trình.
- Đối với sản xuất dở dang được xác định theo sản phẩm hoàn thành tương đương của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Các tài sản không trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh và hình thành từ dự án đang trong giai đoạn đầu tư chưa được trích khấu hao. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định

Thời gian sử dụng (năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10
Phần mềm máy tính	03

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4.7 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay riêng biệt phục vụ cho việc mua hàng tồn kho được tính vào giá trị hàng tồn kho. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh thực tế.

4.10 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tỷ giá ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

điểm lập Báo cáo tài chính (31/12/2013). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản lãi chênh lệch tỷ giá này sẽ không được chia lợi nhuận theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT - BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

4.11 Thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các Luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả năm hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Năm 2013 Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Tiền mặt	803.265.790	245.943.992
Tiền gửi ngân hàng	3.279.050.148	18.330.025.117
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	50.500.000.000
Cộng	4.582.315.938	69.075.969.109

(*): Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại NH SHB số tiền là 500.000.000 VND, lãi suất là 9%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.2 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Văn phòng Công ty	204.825.022.610	168.113.132.179
Ban quản lý dự án hạ tầng	354.186.750	1.301.952.000
BQL các dự án đầu tư và xây dựng	1.745.721.450	1.745.721.450
Báo Tuổi Trẻ	5.004.982.047	-
Cty CP ĐT & SX Việt Hàn	784.687.382	1.384.687.382
Cty cổ phần TM và DV Bắc Giang	337.689.046	4.605.995.046
Cty TNHH Hưng Thành	1.841.592.271	1.251.743.958
Cty TNHH MTV DT PHTH KCN & DT CLai T.HAI	1.927.603.840	1.927.603.840
Cty TNHH SX TM DV Minh Hoàng	2.339.386.587	2.758.537.134
Cty TNHH TM (Quang Vinh) Thuận Quang Vinh	5.610.826.195	5.610.826.195
Cty TNHH TM Đắc Nguyên	6.519.653.280	6.629.653.280
Công ty CP sản xuất Sô Đa Chu Lai	25.906.065.408	25.906.065.408
Công ty CP sản xuất thương mại Mê Kông	763.315.504	-
Công ty cổ phần tập đoàn truyền thông Thanh Niên	5.043.828.231	36.142.655.002
Công ty TNHH Hành Tinh Vàng	6.778.664.297	7.385.276.160
Công ty TNHH in & giấy Nhật Tâm	5.875.019.945	7.016.481.084
Công ty TNHH MTV Huy Minh Quang	6.957.281.878	-
Công ty TNHH Mum Ber One Chu Lai	30.602.880.000	-
Công ty TNHH Quảng Vân Long	352.018.793	2.574.347.441
Công ty TNHH San Trần	2.017.323.224	110.549.196
Công Ty TNHH TM & DV 3B	2.052.514.171	9.174.127.570
Công ty TNHH TM SX Toàn Việt	53.420.358.105	35.695.724.266
Công ty TNHH Vĩnh Minh Hưng	10.830.519.521	3.298.427.858
Cơ sở Quý Nguyên	2.478.382.700	2.258.334.052
Các đối tượng khác	25.280.521.985	11.334.423.857
XN Khoáng sản Kỳ Hà	194.992.945	-
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	4.622.415	1.683.881
XN Cảng Kỳ Hà	2.224.853.584	3.085.876.908
Cty CP Xi Măng Miền Trung	224.569.198	404.569.198
Cty TNHH MTV Kiến Trúc Và Xây Dựng Phát Đạt	43.962.080	-
Cty TNHH Thương Mại Hải Mỹ	170.715.335	849.243.699
Công ty CP Gạch Men Anh Em DIC	86.499.242	121.499.242
Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi	106.136.443	-
Công ty CP VT Hoa Phượng Đỏ	160.277.920	160.817.140
DNTN Sỹ Phú	255.200.000	255.200.000
Các đối tượng khác	1.177.493.366	1.294.547.629
Cộng	207.249.491.554	171.200.692.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Văn phòng Công ty	3.504.161.073	4.065.849.826
Cty Cổ phần ĐT PT Xây Dựng Hội An	593.110.450	593.110.450
Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Sơn	-	369.110.858
V.Global International Company Limited	2.262.174.200	2.262.174.200
Các khách hàng khác	648.876.423	841.454.318
XN Khoáng sản Kỳ Hà	68.951.478	-
Cộng	3.573.112.551	4.065.849.826

5.4 Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Trung tâm bồi thường, hỗ trợ & Tái định cư	903.475.866	1.203.872.479
BQL các dự án ĐTXD và nạo vét luồng Kỳ Hà	738.617.197	738.617.197
Ban quản lý Dự án Chu Lai	1.555.202.954	554.341.931
BQL Khu liên hợp Tam Hiệp	468.325.837	468.325.837
Ban chuẩn bị Dự án BT	5.892.725	57.243.613
Ban QL các DA Đầu tư & Xây dựng CSHT Chu lai	-	10.570.732
Cộng	3.671.514.579	3.032.971.789

5.5 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Văn phòng Công ty	5.240.989.563	24.621.828.194
Công ty TNHH Khánh Giang	-	19.000.000.000
Thuế nhập khẩu hàng hoá chưa có C/O	3.015.171.281	1.926.716.203
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa nộp tiền	146.416.326	1.814.383.291
Cty Cổ Phần Doanh Nghiệp Trẻ Quảng Nam	301.680.184	301.680.184
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Quảng Nam	-	237.500.000
Các khách hàng khác	1.777.721.772	1.341.548.516
XN Khoáng sản Kỳ Hà	-	-
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	13.087.872	4.707.014
XN Cảng Kỳ Hà	54.559.954	57.434.954
Cộng	5.308.637.389	24.683.970.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	291.749.557	217.822.792
Văn phòng Công ty	3.309.090	1.710.000
XN Khoáng sản Kỳ Hà	9.016.675	-
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	909.092	4.240.092
XN Cảng Kỳ Hà	278.514.700	211.872.700
Công cụ, dụng cụ	3.281.819	48.200.000
Văn phòng Công ty	-	48.200.000
XN Khoáng sản Kỳ Hà	3.281.819	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144.805.253.343	106.407.587.006
Văn phòng Công ty	144.652.379.626	106.407.587.006
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	152.873.717	-
Hàng hoá	76.888.092.905	78.782.472.090
Văn phòng Công ty	76.424.566.843	78.782.472.090
XN Khoáng sản Kỳ Hà	463.526.062	-
Giá gốc hàng tồn kho	221.988.377.624	185.456.081.888
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	221.988.377.624	185.456.081.888

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Tạm ứng	63.772.844	589.459.905
Văn phòng Công ty	32.348.298	578.259.905
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	9.424.546	1.200.000
XN Khoáng sản Kỳ Hà	16.000.000	-
XN Cảng Kỳ Hà	6.000.000	10.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	13.436.122.444	8.818.165.086
Văn phòng Công ty	13.436.122.444	8.818.165.086
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	13.499.895.288	9.407.624.991

(*): Chủ yếu là các khoản ký quỹ mở LC phục vụ cho hoạt động nhập khẩu giấy và hạt nhựa của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dc quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2012	111.132.239.200	14.071.495.478	6.620.046.991	274.933.367	4.892.406.757	136.991.121.793
Mua sắm mới	779.049.784	3.105.861.482	2.007.343.377	34.661.818	-	5.926.916.461
Giảm khác	(1.070.124.712)	(45.547.335)	-	(100.267.038)	-	(1.215.939.085)
Tại ngày 31/12/2013	110.841.164.272	17.131.809.625	8.627.390.368	209.328.147	4.892.406.757	141.702.099.169
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 31/12/2012	11.021.012.444	8.356.804.973	4.134.473.041	123.485.693	435.025.041	24.070.801.192
Trích khấu hao	2.470.483.790	1.609.511.603	1.224.527.218	25.838.119	100.005.756	5.430.366.486
Giảm khác	(350.451.454)	(163.084.708)	-	-	-	(513.536.162)
Tại ngày 31/12/2013	13.141.044.780	9.803.231.868	5.359.000.259	149.323.812	535.030.797	28.987.631.516
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	100.111.226.756	5.714.690.505	2.485.573.950	151.447.674	4.457.381.716	112.920.320.601
Tại ngày 31/12/2013	97.700.119.492	7.328.577.757	3.268.390.109	60.004.335	4.357.375.960	112.714.467.653

Giảm Tài sản cố định do Quyết định của Ủy ban số 1340/QĐ-UBND và điều chỉnh giảm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Dừa Duy Hải	15.396.745.155	15.048.230.966
Các công trình khác	465.599.658	2.585.312.049
Cộng	15.862.344.813	17.633.543.015

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Văn phòng Công ty	8.708.469.897	2.457.815.439
XN Cảng Kỳ Hà	1.078.381.543	602.371.245
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	14.947.784	66.889.658
XN Khoáng sản Kỳ Hà	140.312.406	-
Cộng	9.942.111.630	3.127.076.342

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.11 Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	236.451.631.522	247.377.585.280
NH TMCP CT VN - CN Quảng Nam (1*)	34.908.575.747	32.330.977.789
NH Đông Á - CN Quảng Nam (2*)	98.049.045.250	119.480.160.000
NH Ngoại Thương - CN Quảng Nam (3*)	10.297.831.948	53.342.008.731
NH SHB - CN Quảng Nam (4*)	57.485.896.499	15.224.438.760
NH đầu tư phát triển Chu Lai (5*)	1.810.282.078	-
Vay cá nhân, Cty khác (6*)	33.900.000.000	27.000.000.000
Vay, nợ dài hạn đến hạn trả	66.572	330.294.000
Cty Thuê tài chính NH Công Thương	66.572	330.294.000
NH Ngoại thương - CN Quảng Nam	-	-
Cộng	236.451.698.094	247.707.879.280

(1*): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương đến ngày 31/12/2013 là 34.908.575.747 VND(hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND) với lãi suất biến động từ 9.5% đến 11%/năm. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng (Từ 28/4/2012 đến 28/4/2013). Mục đích sử dụng tiền vay là kinh doanh hạt nhựa, giấy các loại. Toàn bộ các khoản vay đều được đảm bảo bằng tín chấp.

(2*): Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Đông Á là 98.049.045.250 VND với lãi suất từ 11,5% đến 12.5%, thời hạn vay 6 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay là kinh doanh hạt nhựa và giấy. Toàn bộ khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(3*): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại Thương -CN Quảng Nam 10.297.831.948 VND với lãi suất từ 9% đến 10%/năm, thời hạn vay 4 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay là kinh doanh hạt nhựa và giấy. Toàn bộ khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(4*): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Sài Gòn- Hà Nội tại Quảng Nam là 57.458.500.000 VND với lãi suất 9% đến 12%/năm, thời hạn vay 6 tháng. Mục đích bổ sung vốn lưu động và kinh doanh. Toàn bộ các khoản vay đều được đảm bảo bằng tín chấp.

(5*): Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển-CN Quảng Nam là 1.810.282.078 VND với lãi suất là 11%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí đầu tư mỏ đá Granitogeis Tam Nghĩa Núi Thành Quảng Nam. Toàn bộ khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành sau đầu tư.

(6*): Khoản vay ngắn hạn với các cá nhân và Công ty khác tại ngày 31/12/2013 có thời hạn 06 tháng, lãi suất 13%/năm. Hình thức bảo đảm các khoản vay này là tín chấp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.12 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Văn phòng Công ty	55.586.937.006	56.428.475.810
Cty CP cấp thoát nước Quảng Nam	948.939.350	1.449.036.350
Cty CP Khoáng Sản & Xây dựng Chu Lai	366.625.530	1.866.625.530
Cty Phát triển Hạ Tầng khu CN Chu Lai	2.779.342.500	2.779.342.500
Cty TNHH Kỹ Thuật XD Quang Đại Việt	1.320.877.000	1.320.877.000
Cty TNHH Phúc Hải Sơn	280.185.169	1.080.185.169
Công ty CP Xây Dựng Quỳnh Dương	1.071.266.967	439.185.967
Công ty TNHH Khánh Giang	26.076.587.000	26.076.587.000
Công ty TNHH MTV Tín Vũ	567.979.283	817.978.933
Công ty TNHH Phú Long	518.822.015	987.302.778
EUROCELL (VNAM) LTD	4.472.883.628	-
HTX xe vận tải và cơ giới bốc xếp số 7	1.805.307.169	-
Liên danh Khoáng Sản - Tân Nhật Minh	11.471.279.487	11.213.239.487
Các đối tượng khác	3.906.841.908	8.398.115.096
XN Khoáng sản Kỳ Hà	152.732.685	-
XN Cảng Kỳ Hà	4.735.004	4.735.000
Cộng	55.744.404.695	56.433.210.810

5.13 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Văn phòng Công ty	1.526.595.012	1.425.485.416
Công ty TNHH Hiệp Phú	250.699.147	250.699.147
Công ty TNHH một thành viên Sáng	1.070.686.308	922.491.491
Công ty TNHH Yeou Lih Silica Sand Việt Nam	104.331.253	104.331.253
Các đối tượng khác	100.878.304	147.963.525
XN Khoáng sản Kỳ Hà	-	-
XN Cảng Kỳ Hà	1.981.093	70.846.032
Cộng	1.528.576.105	1.496.331.448

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.709.670.113	2.023.566.534
Thuế xuất, nhập khẩu	3.542.638.512	2.368.670.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.600.792.093	5.240.394.602
Thuế thu nhập cá nhân	3.020.713	36.299.585
Thuế tài nguyên	12.574.044	160.920
Phí bảo vệ môi trường	1.786.270	
Cộng	14.870.481.745	9.669.091.686

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Ngân sách tỉnh Quảng Nam	-	3.173.265.600
Văn phòng ban Kinh tế Mở Chu Lai	12.630.423.000	2.658.000.000
Cty Cổ phần ĐT PT Xây Dựng Hội An	2.000.000.000	2.000.000.000
Phần lợi nhuận phải nộp nhà nước	-	1.948.670.979
Võ Văn Hạng	-	1.000.000.000
Các đối tượng khác	102.092.253	195.634.611
Cộng	14.732.515.253	10.975.571.190

5.16 Phải trả dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An	104.090.000.000	104.090.000.000
Cộng	104.090.000.000	104.090.000.000

Là khoản nhận trước tiền thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Dự án Bất động sản tại phía Nam Hội An – tỉnh Quảng Nam cho Genting Vinacapital Investments Pte.Ltd với số tiền 5.000.000\$ tương đương 104.090.000.000 đồng.

010193
CÔNG
RÁCH NH
KIỂM
HÙNG
LIÊM -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.17 Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	90.551.426.256	-	(1.456.857.788)	2.520.676.788	735.642.012	-	92.350.887.268
Tăng vốn trong năm	40.899.917.684	11.644.006.562	1.456.857.788	53.256.864	1.506.664.670	-	55.560.703.568
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	13.320.608.690	13.320.608.690
Giảm trong năm	-	-	-	(893.046.905)	(204.817.270)	-	(1.097.864.175)
Số dư tại 31/12/2012	131.451.343.940	11.644.006.562	-	1.680.886.747	2.037.489.412	13.320.608.690	160.134.335.351
Số dư tại 31/12/2012	131.451.343.940	11.644.006.562	-	1.680.886.747	2.037.489.412	13.320.608.690	160.134.335.351
Tăng trong năm (*)	17.311.053.700	4.554.114.170	-	4.006.656.276	1.285.535.487	-	27.157.359.633
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	2.581.391.363	2.581.391.363
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm (*)	-	(11.853.641.391)	-	(1.680.886.747)	(2.037.489.412)	(12.855.354.872)	(28.427.372.422)
Số dư tại 31/12/2013	148.762.397.640	4.344.479.341	-	4.006.656.276	1.285.535.487	3.046.645.181	161.445.713.925

*) Ghi tăng giảm vốn điều lệ theo CV số 17240/BTC-TCĐN ngày 12/12/2012 và Công ty tạm trích lợi nhuận sau thuế năm 2012 vào tăng vốn và các quỹ.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	580.399.803.079	633.181.706.072
Doanh thu bán giấy, hạt nhựa	530.025.259.781	587.156.554.177
Doanh thu dịch vụ cảng Kỳ Hà	14.211.223.359	22.177.214.158
Doanh thu bán xe máy	-	7.465.468.021
Doanh thu bán cát	-	9.651.934.725
Doanh thu kinh doanh nước	64.213.853	73.331.006
Doanh thu cho thuê đất	35.637.552.076	158.998.844
Doanh thu khác	461.554.010	6.498.205.141
Các khoản giảm trừ doanh thu	989.257.680	3.770.341.437
Hàng bán bị trả lại doanh thu bán giấy	989.257.680	3.770.341.437
Doanh thu thuần	579.410.545.399	629.411.364.635

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán giấy, hạt nhựa	506.414.897.944	546.938.439.579
Giá vốn dịch vụ cảng Kỳ Hà	13.344.437.315	14.437.970.455
Giá vốn bán xe máy	-	7.455.959.636
Giá vốn bán cát	-	9.374.815.915
Giá vốn kinh doanh nước	30.401.370	37.677.847
Giá vốn cho thuê đất	5.235.654.231	94.823.679
Giá vốn khác	429.596.673	7.811.067.155
Cộng	525.454.987.533	586.150.754.266

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	310.020.518	9.812.213.339
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	224.764.816	225.168.808
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	465.253.819
Cộng	534.785.334	10.502.635.966

010193
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
KIỂM TRA
HÀNG
TỰ LIÊMT. NH. H.
★

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.981.924.861	18.149.890.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.224.140.956	3.605.850.764
Chi phí tài chính khác	-	865.375.287
Cộng	29.206.065.817	22.621.116.135

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ bán thanh lý TSCĐ	377.272.728	162.868.182
Thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt được giảm	-	1.861.341.741
Thu tiền bồi thường hàng hóa	1.925.821.128	950.999.510
Hoan nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc là	-	337.750.807
Các khoản thu nhập khác	-	15.238.116
Cộng	2.303.093.856	3.328.198.356

6.6 Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	378.284.092	-
Phạt vi phạm hành chính	522.943.098	102.964.673
Chi phí khác	1.066.604.754	96.521.951
Cộng	1.967.831.944	199.486.624

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.181.865.824	17.640.424.628
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	463.928.837
Cộng: các khoản CP không được khấu trừ	593.985.740	102.767.962
Thu nhập chịu thuế HĐ kinh doanh	(19.626.046.281)	17.279.263.753
Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản	30.401.897.845	-
Thuế suất (25%)	25%	25%
Thuế thu nhập phải trả ước tính	7.600.474.461	4.319.815.938
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.600.474.461	4.319.815.938

048 - C
G TY
H HỮU H
TOÁN
VƯỢNG
TP. H

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

7.2 Thông tin với các bên liên quan**Số dư phải trả**

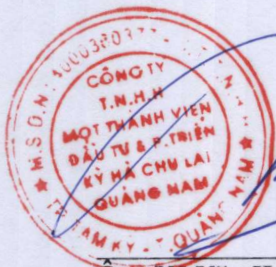
	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Ban lãnh đạo vay ngắn hạn cho Công ty	33.190.000.000	18.700.000.000
Cộng	33.190.000.000	18.700.000.000

Phát sinh trong năm

	Từ 01/01 đến 31/12/2013 VND	Từ 01/01 đến 31/12/2012 VND
Thu nhập Ban lãnh đạo	1.841.158.685	1.964.211.617
Nhận tiền Ban lãnh đạo vay cho Công ty	73.300.000.000	57.200.000.000
Trả tiền vay Ban lãnh đạo	66.400.000.000	40.500.000.000
Cộng	141.541.158.685	99.664.211.617

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 đã được kiểm toán và phân loại lại phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**Ông Võ Văn Hạng**
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng